

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ SPILÍT

Thanh Hóa, Ngày ... tháng ... năm 2015.

Mục Lục

I.	Thông tin chung	2
1.	<i>Thông tin khái quát</i>	3
2.	<i>Quá trình hình thành và phát triển</i>	3
3.	<i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</i>	4
4.	<i>Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</i>	4
5.	<i>Định hướng phát triển</i>	10
6.	<i>Các rủi ro</i>	11
III.	Tình hình hoạt động trong năm	14
1.	<i>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	14
2.	<i>Tổ chức và nhân sự</i>	17
3.	<i>Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án</i>	27
4.	<i>Tình hình tài chính</i>	29
5.	<i>Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	
2.	<i>Tình hình tài chính</i>	31
3.	<i>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý</i>	33
4.	<i>Kế hoạch phát triển trong tương lai</i>	Error! Bookmark not defined.
V.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	35
1.	<i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty</i>	35
2.	<i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty</i>	
VI.	Quản trị công ty	3.
		<i>Các gia</i>
VII.	Báo cáo tài chính	39
1.	<i>Ý kiến kiểm toán</i>	Error! Bookmark not defined.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ SPILIT
- Giấy CNĐKKD : Số 2801330959 cấp lần đầu ngày 13 tháng 04 năm 2009, thay đổi lần thứ 05, ngày 04 tháng 07 năm 2014 do phòng đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp
- Vốn điều lệ : 126.150.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ một trăm năm mươi triệu đồng)
- Địa chỉ : Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại : 037.3621880
- Số fax : 037.3621880
- Website : spilit.com.vn
- Mã cổ phiếu : SPI

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Đá Spilit thành lập ngày 13 tháng 04 năm 2009 với đăng ký kinh doanh số 2801330959 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, vốn điều lệ ban đầu là 1.200.000.000 VND, gồm 4 cổ đông gồm: 2 cá nhân là ông Đoàn Quốc Tuấn, ông Nguyễn Văn Phái và 2 tổ chức là Công ty cổ phần Khoáng sản Hòa Bình, Hợp tác xã Công nghiệp Tân Sơn. Ngành nghề kinh doanh chính là khai thác quặng kim loại màu, khai thác các loại khoáng sản, dịch vụ khoan nổ mìn, khai thác đá, sản xuất đá xẻ và hoàn thiện đá xẻ. Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Văn Phái.

- Ngày 07 tháng 04 năm 2010 Công ty cổ phần Đá Spilit thay đổi lại đăng ký kinh doanh đồng thời tăng vốn của công ty từ 1.200.000.000 VND lên 3.500.000.000

VND, đồng thời thay đổi người đại diện theo pháp luật và giám đốc công ty là ông Trần Quế Lâm.

- Ngày 05 tháng 05 năm 2011 Công ty cổ phần Đá Spilit thay đổi lại đăng ký kinh doanh đồng thời tăng vốn của công ty từ 3.500.000.000 VND lên 30.000.000.000 VND, đồng thời đăng ký thêm một số ngành nghề sản xuất kinh doanh như lắp đặt hệ thống điện, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất xi măng, vôi, thạch cao...

- Ngày 04/07/2014 Công ty cổ phần Đá Spilit thay đổi lại đăng ký kinh doanh đồng thời tăng vốn của công ty từ 30.000.000.000 VND lên 126.150.000.000 VND

3. *Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm truyền thống của công ty*

a) *Ngành nghề kinh doanh:*

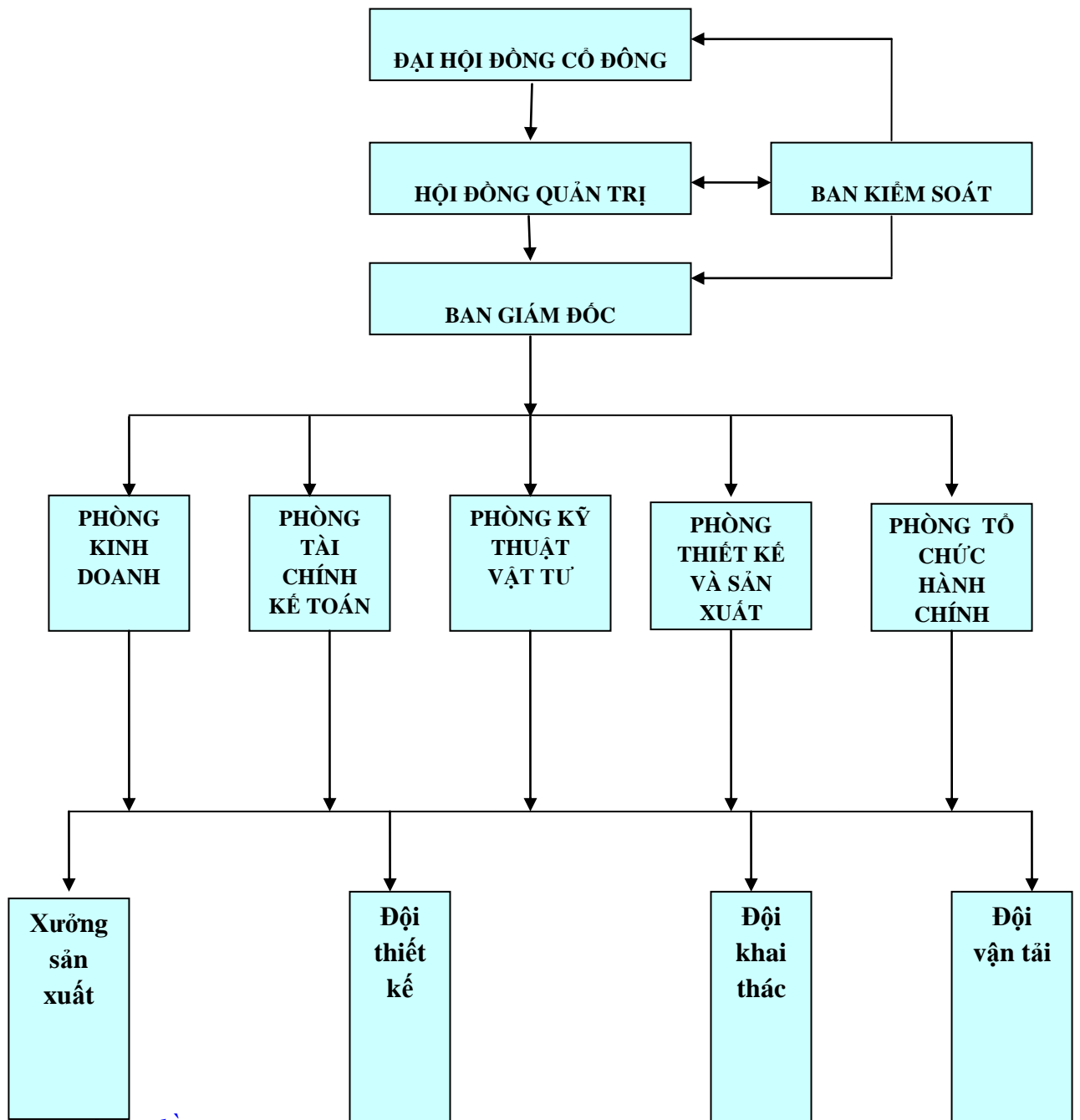
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá.
- Lắp đặt hệ thống điện
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Sản xuất gạch)
- Khai thác và chế biến các loại khoáng sản.
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Khai thác và chế biến các loại khoáng sản trừ quặng uranium, quặng thorium, quặng sắt, crom và khoáng sản Nhà nước cấm)
- Khai thác và thu gom than cứng
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (Dịch vụ khoan nổ mìn)
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (Sản xuất vôi)

b) *Các sản phẩm truyền thống của Công ty:*

- Khai thác đá Spilit
- Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá
- Đá Spilit các kích cỡ khác nhau, hình dáng khác nhau.
- Đá các loại gồm nhiều kích cỡ khác nhau, hình dáng khác nhau.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị.



- *Diễn giải sơ đồ*

Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số Thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám đốc Công ty là người đại diện theo Pháp luật của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Chức năng các phòng ban

Phòng Kinh doanh:

Tổ chức kinh doanh bán các sản phẩm của công ty, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc sản xuất kinh doanh của công ty.

Phòng Tài chính kế toán

Phòng Tài chính kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
 - Phân tích tình hình tài chính trong công trường thi công, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Giám đốc.

Phòng Kỹ thuật vật tư

- Phòng có chức năng quản lý toàn bộ xưởng sửa chữa, thiết bị máy móc hiện có của Công ty.
- Lập kế hoạch sửa chữa định kỳ hàng tháng, hàng quý đối với từng loại thiết bị máy móc để trình lên Ban Giám đốc phê duyệt, đảm bảo sao cho toàn bộ các thiết bị máy móc của các nhà máy, công trường định kỳ được bảo dưỡng, vận hành tốt nhưng đồng thời phải đảm bảo tính vận hành liên tục của sản xuất.
- Lập kế hoạch và cung cấp vật tư theo tiến độ thực tế tại các công trường thi công của Công ty.

- Mua bán vật tư, máy móc thiết bị khi công ty có nhu cầu.

Phòng Thiết kế và sản xuất

- Phòng có chức năng thiết kế những sản phẩm phục vụ cho việc sản xuất đá của công ty đúng theo yêu cầu của khách hàng và những sản phẩm có chất lượng trên thị trường.
- Tổ chức sản xuất các sản phẩm theo thiết kế theo yêu cầu của khách hàng và thị trường, đảm bảo chất lượng, hiệu quả kinh tế cao.

Phòng Tổ chức Hành chính

Phòng Tổ chức Hành chính có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty.

Các Xưởng, đội trực thuộc:

Xưởng sản xuất:

- Sản xuất các sản phẩm chế tác từ đá với các loại hình dáng, kiểu cách, số lượng khác nhau theo yêu cầu của phòng thiết kế và phòng kinh doanh. Sản phẩm sản xuất ra phải đạt yêu cầu đề ra, tránh lãng phí;
- Yêu cầu đội khai thác, khai thác những khối đá phù hợp để phục vụ cho việc chế tác các sản phẩm.

Đội Thiết kế:

- Thiết kế ra các sản phẩm đá với nhiều kiểu cách khác nhau theo yêu cầu đặt hàng của khách hàng và theo thị hiếu chung của người tiêu dùng trên thị trường tại thời điểm thiết kế
- Nghiên cứu sở thích, thị hiếu của người tiêu dùng nhằm đưa ra những mẫu thiết kế được nhiều người ưu chuộng, có giá trị kinh tế cao.

Đội khai thác:

- Có nhiệm vụ khai thác các mẫu đá phù hợp theo yêu cầu của xưởng sản xuất, số lượng đá để phù hợp với số lượng yêu cầu.
- Lên kế hoạch để cấp mìn và điều hành nhân lực vật lực phục vụ cho việc khai thác, đảm bảo an toàn khi khai thác.

Đội vận tải:

- Chuyển chở sản phẩm đá từ mỏ khai thác về xưởng sản xuất và từ xưởng sản xuất sản xuất giao cho khách hàng.
- Lên kế hoạch cấp nhiều liệu, con người phục vụ cho việc vận chuyển đề xuất lên phòng vật tư kỹ thuật để cung cấp.
- Các công ty con, công ty liên kết: Công ty Cổ phần Đá Split không có công ty con, công ty liên kết.

5. *Định hướng phát triển*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm mục đích thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty vững mạnh

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Tiếp tục phát huy tối đa kinh nghiệm và nguồn lực hiện có để đẩy mạnh phát triển lĩnh vực chính: Khai thác, chế biến đá, cắt, hoàn thiện đá.

Duy trì và phát huy đầy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng của công ty, tối đa hóa lợi ích của khách hàng để tạo giá trị gia tăng chung cho công ty và xã hội.

Mục tiêu tăng trưởng của công ty về doanh thu và lợi nhuận trong các năm từ 2010-2020 phấn đấu mức tăng trưởng bình quân hằng năm từ 10% trở lên

6. Các rủi ro

a) Rủi ro kinh tế

– Tăng trưởng kinh tế

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm 2003 đạt 7,3%, năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 đạt 8,4%, năm 2006 đạt 8,17%, năm 2007 đạt 8,48%. Tuy nhiên khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy nền kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác của nước ta, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2008 chỉ đạt 6,18% và con số này trong năm 2009 và 2010 sau nhiều nỗ lực phục hồi nền kinh tế của Chính phủ cũng tương ứng chỉ là 5,32% và 6,78%.

Bước sang năm 2014, kinh tế Việt Nam dần phục hồi. Dự báo năm 2015, khó khăn của doanh nghiệp về vốn, thị trường dần dần được tháo gỡ, việc làm và thu nhập của người dân sẽ được cải thiện, sức mua của người dân được tăng lên.

Những khó khăn và bất ổn về kinh tế sẽ ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đá Spilit trong năm 2014. Công ty luôn xác định rủi ro về tăng trưởng kinh tế là một trong những rủi ro cơ bản đối với không chỉ Công ty mà còn là rủi ro mang tính hệ thống đối với mọi doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Do vậy, Công ty đã tính toán rủi ro này và có định hướng phát triển riêng dựa vào các thị trường tiềm năng và ổn định mà Công ty đang khai thác.

– Lạm phát

Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây được duy trì ở mức ổn định, song Việt Nam cũng đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tỷ lệ lạm phát

đã tăng từ 6,6% năm 2006 lên 12,6% trong năm 2007, đặc biệt năm 2008 tỷ lệ lạm phát đã tăng lên tới 18,9%. Năm 2009, nhờ các nỗ lực kiểm soát lạm phát của Chính phủ và Nhà nước, tỷ lệ lạm phát giảm xuống còn 6,9%. Tuy nhiên, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2010 tăng tới 11,8%.

Tính chung trong giai đoạn 2001-2010, lạm phát của Việt Nam đã tăng trung bình trên 8,8%/năm, vượt xa con số của một số quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan (2,7%) hay Trung Quốc (2,1%).

Đặc biệt, chỉ số giá tiêu dùng năm 2011 đã tăng tới 18,12% so với tháng 12 năm 2010, vượt xa chỉ tiêu 7% đặt ra từ đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng mạnh này là do những biến động về giá vàng, tỷ giá USD, lãi suất, nhập siêu cao... đã kéo theo nhiều mặt hàng trong nước tăng giá. Ngoài ra, giá cả của các mặt hàng công nghiệp, lương thực tăng mạnh cũng đã góp phần gây ra tình trạng lạm phát tăng cao gần đây

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ kéo theo giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, dẫn đến giá thành sản phẩm của Công ty cao, gây khó khăn cho Công ty trong công tác bán hàng và kiểm soát chi phí.

Năm 2014, với mục tiêu chính trong công tác điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ là kiềm chế lạm phát, bước đầu Việt Nam đã đạt được kết quả khả quan. Tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định. Do đó, rủi ro về lạm phát đối với Công ty trong 2014 không phải là điều đáng lo ngại.

– Lãi suất

Do ảnh hưởng từ lạm phát, trong thời gian qua lãi suất ở Việt Nam luôn duy trì ở mức cao. Lãi suất cho vay cao khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động vốn phục vụ sản xuất và làm tăng chi phí cho các doanh nghiệp. Trong năm 2014, lãi suất cho vay đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh theo xu hướng giảm, đồng thời đã áp dụng trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tối đa là 13%/năm đối với 1 số lĩnh vực ngành nghề, tuy nhiên tình trạng dòng vốn bị tắc nghẽn vẫn đang là vấn đề cấp bách cần giải quyết với cả ngân hàng và các doanh nghiệp. Về phía Công ty Cổ phần Đá Spilit, bước sang năm 2014, với

chính sách phòng tránh rủi ro lãi suất, đồng thời với dòng tiền khá ổn định, Công ty đã hạn chế sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Từ đầu năm 2011 đến nay, Ngân hàng Nhà nước triển khai loạt chính sách tập trung cho yêu cầu bình ổn thị trường ngoại hối như tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng thêm 9,3%, thu hẹp biên độ ấn định tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại từ +/-3% xuống +/-1%, tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hạn chế tín dụng ngoại tệ,... Thời gian gần đây, tỷ giá liên tục được điều chỉnh tăng, các ngân hàng đưa ra giá mua và giá bán sát trần biên độ. Hiện tỷ giá niêm yết mua, bán USD của các ngân hàng thương mại phổ biến quanh khoảng 20.828 VND/USD.

b) Rủi ro luật pháp

Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế vì vậy pháp luật và các chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn chịu sự quản lý, chi phối của Công ty mẹ, các hiệp hội, ... Do đó, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Là một công ty đại chúng, Công ty chịu sự chi phối của đồng thời Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Khi thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của các quy định niêm yết của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chính sự điều chỉnh này sẽ làm cho hoạt động của Công ty ngày càng minh bạch, nâng cao năng lực quản trị công ty. Tuy nhiên, do thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một thị trường khá mới mẻ, tính ổn định chưa cao, do đó các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thể sẽ gây lúng túng cho các doanh nghiệp.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu nắm bắt các quy định mới của pháp luật từ đó xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

c) Rủi ro đặc thù ngành

Do đặc điểm của ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn vào các điều kiện tự nhiên nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty. Mặc dù Công ty đã có những nghiên cứu, khảo sát đánh giá về địa chất, chất lượng các loại đá nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình khai thác nhưng cũng không thể tránh khỏi những biến động bất thường về địa chất, khí hậu...có thể ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu đầu vào của Công ty đồng thời làm tăng chi phí khai thác, chế biến,... Ngoài ra những thiên tai như bão lụt, hạn hán cũng có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng khai thác của Công ty.

Ngành công nghiệp khai thác và chế tạo các sản phẩm từ đá còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường đặc biệt là khói bụi và nước thải là một thách thức không nhỏ đối với Công ty.

Rủi ro về giấy phép khai thác mỏ

Thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản nói chung và đá nói riêng của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra, nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không gia hạn giấy phép khai thác mỏ từ phía Công ty về mặt thực tế là không nhiều do năng lực và chất lượng kỹ thuật khai thác của Công ty hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn. Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về quy định thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về cạnh tranh

Ngành khai thác đá và tạo ra các sản phẩm từ đá hiện nay rất phổ biến ở nước ta đặc biệt là ở những vùng có vùng núi cao, mật độ các loại núi đá nhiều như Nghệ An, Thanh Hóa, Hòa Bình, Yên Bái....Các doanh nghiệp cạnh tranh nhau về thị phần trên thị trường rất lớn, ảnh hưởng rất lớn đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Tình hình hoạt động trong năm**

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sản xuất và chế biến các loại khoáng sản đặc biệt là các sản phẩm như Đá khối, đá xẻ xanh Gambro, đá xẻ xanh cao cấp, đá xẻ đục thủ công, đá xẻ mài bóng góc cạnh....

Các sản phẩm chính công ty đang khai thác và sản xuất:

* Đá khối: là những khối đá khối lớn dạng thô, kích thước từ $0,8 \text{ m}^3 - 4 \text{ m}^3$ được khai thác trực tiếp tại mỏ đá của công ty nhờ công việc khoan mạch đá và nổ mìn.

- Ứng dụng: Phục vụ cho nhu cầu sản xuất, chế tác đồ mỹ nghệ,

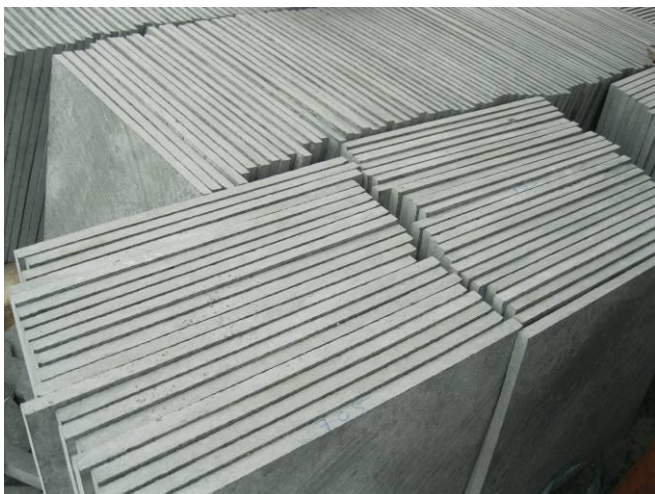
* Đá xẻ xanh Gambro, đá xẻ xanh cao cấp: là những sản phẩm của đá khối, được vận chuyển từ mỏ xuống và đã được đưa vào máy cắt tạo dáng thành các kích cỡ khác nhau: Đá 60×60 ; 30×60 ; 30×30 ; 20×40 ; 10×10

- Ứng dụng: hoàn thiện các công trình xây dựng, các khu chung cư, dùng lát sàn lát cầu thang, đường vào các khu nghỉ dưỡng, Resort....

* Đá xẻ đục thủ công, đá xẻ mài bóng góc cạnh: là những sản phẩm sau khi cắt thành các kích cỡ sẽ được đưa vào hệ thống máy mài thô, mài tinh, mài guốc, mài bóng, mài vo cạnh để ra những sản phẩm cách điệu và bóng đẹp.

- Ứng dụng: dùng để ốp tường và trang trí.

Hình ảnh một số sản phẩm của Công ty:



Đá xẻ



Đá xẻ, đục thủ công

Mỏ khai thác: Hiện tại Công ty đang kết hợp với Hợp tác xã Công nghiệp Tân Sơn để khai thác đá Spilit. Cụ thể:

Giấy phép khai thác khoáng sản và cho thuê đất số 459/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2009 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Diện tích khu đất là 13.000 m^2 trong đó:

- Diện tích khu vực khai thác là 10.000 m^2

- Diện tích khu vực khai trường là 3.000 m^2

- Trữ lượng khai thác là 90.000 m^3 , công suất khai thác $30.000 \text{ m}^3/\text{năm}$

Công ty đang tiến hành hợp tác với các doanh nghiệp khai thác và có mỏ tại đại bàn huyện Hà Trung, Thanh Hóa. Đồng thời, Công ty đang xúc tiến để cấp thêm các mỏ đá và khoáng sản mới trên địa bàn, phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định và phát triển.

Trong những năm qua, Công ty đã và đang cung cấp nhiều sản phẩm cho các đơn vị trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa, phục vụ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, trang trí như:

- Cung cấp đá xẻ Gambro A cho Công ty cổ phần Thiết bị và xây lắp Công nghiệp tại Thanh Xuân, Hà Nội
- Cung cấp bột Talc men, đá Talc tuyển, Bột Talc xương cho chi nhánh Công ty cổ phần khai thác khoáng sản Sầm Sơn tại thành phố Hòa Bình.
- Cung cấp đá phụ gia, đá thạch anh CC, đá thạch anh thô, đá thạch anh hạt CC, đá xanh Gambro cho Công ty cổ phần khoáng sản Hòa Bình tại tỉnh Hòa Bình.
- Cung cấp đá xanh Gambro xẻ cho công ty cổ phần sinh thái và đầu tư Thiên An, tại Hà Nội
- Cung cấp đá xanh Gambro xẻ cho Công ty cổ phần Đầu tư ARCHI tại Hà Nội
- Cung cấp đá phụ gia cho công ty cổ phần sản xuất thương mại Bảo Long tại Thanh Hóa.

Và một số đối tác khác trên địa bàn tỉnh như:

- Hợp tác xã Công nghiệp Thương mại Oanh Loan tại Hà Phú, Hà Trung, Thanh Hóa
- Công ty TNHH Một thành viên Tòng Thiện tại Thạch Thành, Thanh Hóa
- Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Bim Sơn, thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa
- Xí nghiệp xây dựng Quốc Tuấn tại Thạch Thành, Thanh Hóa
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hạnh Duy tại Bim Sơn, Thanh Hóa
- Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Tiến Đạt tại khu 3 Thạch Tân, Thanh Hóa
- Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Dung Kiên tại Bim Sơn, Thanh Hóa

Và một số đối tác khác ngoài tỉnh như:

- Công ty TNHH cơ khí và xây dựng Sơn Thành tại Ninh Bình
- Công ty TNHH một thành viên Hải An tại Tam Điệp, Ninh Bình
- Công ty cổ phần Xây dựng và thương mại Việt Phát tại Hải Phòng
- Công ty cổ phần sản xuất xây dựng và thương mại Biển Đông tại Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội...

5.1.2: Hoạt động Thương Mại

Ngoài các sản phẩm của Công ty sản xuất, Công ty còn thực hiện mua bán thêm các loại Bột Talc, Bột Thạch anh, Bột CaCO₃được sử dụng trong các sản phẩm cao cấp của ngành Công nghiệp sơn, giấy, cao su, nhựa....và các ứng dụng khác trong các ngành Công nghiệp.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

– Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Đỗ Thị Cẩm Thuý	Chủ tịch HĐQT	14/09/1971	1.487.500	54,7
2	Trần Quế Lâm	Ủy viên HĐQT, Giám đốc	10/06/1967	20.000	0,80
3	Nguyễn Văn Đông	Ủy viên HĐQT	25/08/1989	0	0
4	Bùi Thị Thoa	Ủy viên HĐQT	29/01/1981	100	0,004
5	Đoàn Quốc Khánh	Ủy viên HĐQT	13/11/1992	3.000	0,12

– Danh sách Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
-----	-----------	---------	-----------	-----------------------	--------------

1	Nguyễn Văn Đông	Ủy viên HĐQT, Giám đốc	25/08/1989	0	0
---	-----------------	---------------------------	------------	---	---

– Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)
2	Nhâm Thị Hà	Trưởng Ban kiểm soát	14/02/1983	500	0,02
3	Trần Thị Phương Lan	Thành viên Ban kiểm soát	05/05/1979	1.000	0,04
4	Trần Thị Thu Dung	Thành viên Ban kiểm soát	24/01/1990	500	0,02

– Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thị Dung	Kế toán trưởng	28/10/1988	156.000	6,24%

– Sơ yếu lý lịch các thành viên ban điều hành:

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

- a/ Bà : ĐỖ THỊ CẨM THUÝ
- Chức vụ tại Công ty : Chủ tịch HĐQT
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 14/09/1971
 - Chứng minh thư nhân dân : 011457853 cấp ngày 13/11/2002 tại công an Hà Nội
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Hà Nội
 - Địa chỉ thường trú : Số 87, phố Hoàng Ngân, phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:

-

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
1999 – 2002	Nhân viên công ty TNHH Thương mại Minh Phương
2003 – nay	Giám đốc CTCP Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp, chủ tịch HĐQT CTCP Đá Split, Chủ tịch HĐQT CTCP Khoáng sản Hòa Bình.

- Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đá Split

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần khoáng sản Hòa Bình, Giám đốc CTCP Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp.

- Số cổ phần sở hữu : 1.487.500 cổ phần

- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 4.200 cổ phần

❖ Họ tên: Nguyễn Thị Bích

- Quan hệ: Mẹ

- Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần

❖ Họ tên: Đỗ Phan Tiến

- Quan hệ: Anh ruột

- Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần

❖ Họ tên: Đỗ Phan Thắng

- Quan hệ: anh ruột

- Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần

❖ Họ tên: Đoàn Quốc Khánh

- Quan hệ: Con

- Số cổ phần nắm giữ: 3.000 cổ phần

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

b/ Ông : TRẦN QUẾ LÂM

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/06/1967
- Chứng minh thư nhân dân : 011854292 cấp ngày 08/10/1997 tại công an Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 62 Đê La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ 1990 – 2009	Kinh doanh tự do
2010 – nay	Ủy viên HĐQT, Giám đốc công ty cổ phần Đá Spilit

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần sở hữu : 20.000 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 300 cổ phần
- ❖ Họ tên: Đoàn Thị Hạnh
 - Quan hệ: Vợ
 - Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần
- ❖ Họ tên: Trần Thanh Huyền
 - Quan hệ: con
 - Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần
- ❖ Họ tên: Trần Đình Giang
 - Quan hệ: con
 - Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

c/ Ông : NGUYỄN VĂN ĐÔNG

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 25/08/1989
- Chứng minh thư nhân dân : 137603345 cấp ngày 08/03/2007 tại công an Thanh Hoá
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Thọ Diên, Thọ Xuân, Thanh Hoá
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn :
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ 2009 – nay	Làm việc tại Công ty cổ phần Đá Spilit
Từ 2012 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Đá Spilit

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

d/ Bà : BÙI THỊ THOA

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 29/01/1981
- Chứng minh thư nhân dân : 017084346 cấp ngày 01/09/2009 tại công an Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : Thu Quế, Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ năm 2004 – 2006	Nhân viên văn phòng Luật sư Thiện và Cộng sự
Từ 2006 – tháng 8/2009	Nhân viên Công ty Luật TNHH Tư vấn Bico
Từ tháng 9/2009 -12/2011	Nhân viên Công ty Cp Thiết bị và xây lắp Công nghiệp
Từ 02/2010 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cp Khoáng sản Hoà Bình
Từ 03/2012 – nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đá Spilit

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT Công ty.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cp Khoáng sản Hoà Bình;
- Số cổ phần sở hữu : 100 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

e/ Ông : ĐOÀN QUỐC KHÁNH

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13/11/1992
- Chứng minh thư nhân dân : 012863348 cấp ngày 21/03/2006 tại công an Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : 87 Hoàng Ngân, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ 08/2011 – nay	Nhân viên Công ty cổ phần Khoáng sản Hoà Bình
Từ 03/2012 - nay	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đá Spilit

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Nhân viên Công ty cổ phần Khoáng sản Hoà Bình.
- Số cổ phần sở hữu : 3.000 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 1.487.500 cổ phần
- ❖ Họ tên: Đỗ Thị Cẩm Thuý
 - Quan hệ: Mẹ
 - Số cổ phần nắm giữ: 1.737.500 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

Lý lịch thành viên Ban Giám đốc

Lý lịch ông Trần Quế Lâm – Giám đốc trong mục lý lịch thành viên HĐQT

Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

- a/ Bà : NHÂM THỊ HÀ
- Chức vụ tại Công ty : Trưởng Ban kiểm soát
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 14/02/1983
 - Chứng minh thư nhân dân : 151357020 cấp ngày 31/03/1998 tại công an Thái Bình
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Thái Bình.
 - Địa chỉ thường trú : Đông Á, Đông Hưng, Thái Bình
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán
 - Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ năm 2006 – 12/2011	Nhân viên Công ty Cổ phần Thiết bị và xây lắp công nghiệp
Từ 03/2012 – nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đá Spilít

- Chức vụ hiện tại : Trưởng Ban kiểm soát Công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu : 500 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : Không có ;
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

- b/ Bà : TRẦN THỊ PHƯƠNG LAN
- Chức vụ tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 05/05/1979
- Chứng minh thư nhân dân : 012013677 cấp ngày 10/01/2009 tại công an Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ năm 2000 – 03/2008	Nhân viên Cảng Quyển Lương, Hà Nội
Từ 04/2008– 12/2011	Công ty Cp Thiết Bị và Xây lắp Công nghiệp
Từ tháng 03/2012 – nay	Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Đá Spilit

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty;
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu : 1.000 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

c/ Bà : TRẦN THỊ THU DUNG

- Chức vụ tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 24/01/1990
- Chứng minh thư nhân dân : 091533139 cấp ngày 22/05/2005 tại công an Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Thái Nguyên
- Địa chỉ thường trú : Phường Quang Vinh, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : cử nhân kế toán
- Quá trình công tác

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ 10/2010 - nay	Nhân viên công ty CP Thiết bị và Xây Lắp Công Nghiệp
Từ 03/2012 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đá Spilít

- Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban kiểm soát Công ty.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Nhân viên công ty CP Thiết bị và Xây Lắp Công Nghiệp;
- Số cổ phần sở hữu : 500 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có;
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

Lý lịch Kế toán trưởng

- Bà : LÊ THỊ DUNG
- Chức vụ tại Công ty : Kế toán trưởng
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 28/10/1988
- Chứng minh thư nhân dân : 151672820 cấp ngày 21/07/2003 tại công an Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Gia Tự, Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ năm 2010 – tháng 04/2013	Nhân viên kế toán cho công ty cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp
Tháng 04/2013– nay	Kế toán trưởng công ty cổ phần Đá Spilít

- Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng Công ty.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu : 156.000 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

b) Chính sách đối với người lao động


Chất lượng nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một tổ chức. Do vậy, Công ty luôn đặt định hướng xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có mong muốn cống hiến lâu dài cho Công ty là một trong những mục tiêu chiến lược hàng đầu và liên tục trong quá trình hoạt động. Tính đến hết năm 2011, số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 50 người.

Đơn vị tính : Người

Yếu tố	31/12/2014
■ Số lượng nhân viên	34
Phân theo trình độ chuyên môn	
■ Trên đại học	
■ Đại học	5


Yếu tố	31/12/2014
■ Cao đẳng, Trung cấp	20
■ Khác	14
Phân theo thời hạn hợp đồng	
■ LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ(GĐ, PGĐ, KTT)	3
■ Hợp đồng không xác định thời hạn	12
■ Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	10
■ Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	9

❖ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp


 Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: đào tạo tại chỗ trong quá trình làm việc để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành khai thác và chế tác đá. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...


 Chính sách lương

- Lương bình quân công nhân sản xuất tại các xưởng, nhà máy: 3.000.000 đồng/ tháng
- Lương bình quân của khối hành chính: 4.000.000 đồng/ tháng

 Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty có chủ trương khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn

cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

 Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Do hoạt động trong lĩnh vực khai thác mỏ nên rủi ro tai nạn lao động hoàn toàn có thể xảy ra bất ngờ mà Công ty không thể lường trước, gây ảnh hưởng và hậu quả nghiêm trọng đến người và tài sản nên Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

Trong năm công ty chủ yếu tập trung vào khai thác mỏ và chế biến sản phẩm không thực hiện đầu tư các dự án lớn

4. *Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	41.638.812.936	129.279.320.093	
Doanh thu thuần	12.625.208.680	7.198.706.076	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	767.273.627	827.514.869	
Lợi nhuận khác	(52.752.019)	265.548.613	
Lợi nhuận trước thuế	714.521.608	827.514.869	
Lợi nhuận sau thuế	589.429.479	662.011.895	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	236	88	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn</p>	<p>Lần</p> <p>Lần</p>	<p>1,73</p> <p>3,14</p>	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Nợ /Vốn chủ sở hữu</p>	<p>Lần</p> <p>Lần</p>	<p>0,23</p> <p>0,18</p>	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân</p> <p>+ Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản: <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản bq</p>	<p>Vòng</p> <p>Lần</p>	<p>0,46</p> <p>1,18</p>	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</p> <p>+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần</p> <p>+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân</p> <p>+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân</p> <p>+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần</p>	<p>%</p> <p>%</p> <p>%</p> <p>%</p>	<p>0,52</p> <p>3,60</p> <p>1,14</p> <p>0,93</p>	

a) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Đá Spilit đã thực hiện Sáp nhập với Công ty cổ phần Quốc Bảo tiến hành đợt tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 126.150.000.000 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Đá Spilit không tiến hành mua bán cổ phiếu quỹ.

c) Các chứng khoán khác: không có

❖ Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2014 phụ thuộc vào ba yếu tố chính: tình hình kinh tế thế giới, sức mạnh nội tại và ổn định kinh tế vĩ mô trong nước và sự điều hành của Chính phủ. Tuy nhiên bên cạnh những thời cơ, thuận lợi thì cũng đặt ra nhiều thách thức cho cả ba yếu tố trên.

Trên cơ sở phân tích môi trường hoạt động kinh doanh, cùng với quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên cũng như ban lãnh đạo của Công ty, và để đạt chỉ tiêu kinh doanh năm 2014 của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao, SPI sẽ tập trung thực hiện nghiêm túc các giải pháp sau đây:

Một số chỉ tiêu trọng yếu năm 2015 dự kiến sẽ như sau:

STT	Chỉ tiêu	2014
1	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	130 tỷ
2	Doanh thu	10 tỷ
3	Lợi nhuận trước thuế	1t tỷ
4	Lao động cuối kỳ	50 người

1. Các giải pháp thực hiện :

- Tăng cường việc khai thác ở các mỏ để đảm bảo ổn định đơn hàng, ổn định nguồn vật tư, khai thác triệt để năng lực sản xuất để có sản lượng cao nhất.
- Tiếp tục tiến hành thanh lý các thiết bị lạc hậu, đầu tư bổ sung thêm thiết bị.
- Tăng cường sản lượng, tích cực bố trí lại đội ngũ công nhân sản xuất qua đó đẩy mạnh việc tăng năng suất lao động toàn công ty.
- Trong tình hình lạm phát, giá cả tăng cao, các bộ phận phòng ban, xí nghiệp cần đánh giá lại cung cách quản lý điều hành trong đơn vị, hợp lý hóa quy trình sản xuất, phân tích kỹ các khoản chi phí trong cơ cấu giá thành, để có biện pháp tiết giảm hợp lý, hạ giá thành sản phẩm.

2. Công tác điều hành sản xuất:

- Công ty tiếp tục thực hiện một cách triệt để mô hình khoán quản, đưa ra cơ chế rõ ràng xuyên suốt từ Công ty xuống tận tổ, đội sản xuất, người lao động, đồng thời phân định rõ quyền lợi và trách nhiệm của cá nhân, tập thể nhằm tạo sự chủ động, sáng tạo cho các đơn vị, cá nhân trong quá trình tổ chức thi công.

- Nâng cao vai trò Quản lý dự án, ưu tiên đầu tư con người, đào tạo, công nghệ quản lý để đưa công tác quản lý dự án thành chuyên nghiệp, hiệu quả .

- Hiệu chỉnh định mức thi công nội bộ phù hợp với năng lực thi công, công nghệ thiết bị của Công ty, tạo sự cạnh tranh giữa các đơn vị sản xuất trong công ty.

– Công tác quản trị nhân lực:

Chỉ đạo thực hiện tốt chính sách thu hút nhân lực, giữ chân người tài bằng các giải pháp:

- Tăng tỷ lệ chi phí đầu tư về trang thiết bị, môi trường và điều kiện làm việc cho CBCNV, đầu tư nghiên cứu cải tiến hệ thống quản lý cho phù hợp với thực tiễn đảm bảo nguyên tắc: cụ thể, rõ ràng, dễ áp dụng, định rõ trách nhiệm, quyền hạn và chế tài xử lý.

- Tăng mức đầu tư về tài chính, thời gian cho công tác tuyển dụng, đào tạo. Có chính sách thiết thực để thu hút các cán bộ quản lý, chuyên môn có trình độ, năng lực, giàu kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.

- Đảm bảo mức thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên đạt khá so với các đơn vị cùng ngành, theo nguyên tắc: hiệu quả công việc, hiệu quả doanh nghiệp và mặt bằng xã hội.

- Tăng cao hơn quỹ khen thưởng cho người lao động so với các năm trước, thực hiện chính sách thưởng công bằng, linh hoạt, coi thưởng là sự chia sẻ thành công của doanh nghiệp đối với người lao động.

– Công tác thị trường:

Lập kế hoạch triển khai thi công đảm bảo mỗi công trình thực sự là một hình ảnh PR, quảng cáo của doanh nghiệp với đối tác, khách hàng.

Thực hiện nghiêm túc về việc xây dựng hình ảnh doanh nghiệp từ văn phòng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện đến các đơn vị sản xuất đảm bảo tính nhất quán, phù hợp với bộ nhận diện thương hiệu của công ty .

Duy trì tốt mối quan hệ với các thị trường đã có, ưu tiên đầu tư mở rộng các thị trường lớn, thị trường trọng điểm như:

3. Giải pháp về công nghệ:

Đầu tư tìm kiếm các công nghệ mới, hiện đại, tiếp cận hoặc tham gia thi công các công nghệ mới của các doanh nghiệp nước ngoài để học hỏi, chuyển giao nhằm tăng hiệu quả kinh doanh, nâng cao vị thế cạnh tranh.

Ưu tiên vốn đầu tư mua sắm thiết bị sản xuất chế bền sâu với tiêu chí: đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo khả năng thu hồi vốn tốt.

6. Giải pháp về tài chính :

Xác định nguồn vốn chủ đạo cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, do đó tập trung chỉ đạo tốt công tác khai thác và chú trọng vào sản phẩm đã qua chế biến.

Lợi nhuận hàng năm một phần chi trả cổ tức cho các cổ đông ở mức 5 - 7% phần còn lại dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh và tái đầu tư cho các dự án đầu tư dài hạn.

5. Tình hình tài chính

5.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

❖ Trích khấu hao TSCĐ:

- Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng; thời gian khấu hao theo khung thời gian quy định tại Quyết định 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa vật kiến trúc	03 – 10 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 07 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 năm

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Vào thời điểm 31/12/2014, Công ty không có bất kỳ khoản nợ nào đối với Ngân hàng. Công ty thanh toán công nợ đúng thời gian quy định theo thỏa thuận với các nhà cung cấp.

❖ Trích lập các Quỹ theo luật định:

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

DVT: nghìn

đồng

Các quỹ	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-	131,8
- Quỹ dự phòng tài chính	-	-	65,9
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-

❖ Tình hình công nợ hiện nay:

Công nợ phải thu của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014
1	Phải thu của khách hàng	7.540.426.000
2	Trả trước cho người bán	3.054.773.975
3	Các khoản phải thu khác	63.400.000
4	Thuế GTGT được khấu trừ	209.332.384
	Tổng cộng	10,867,932,359

Công nợ phải trả của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014
1	Vay và nợ ngắn hạn	-
2	Phải trả cho người bán	-
3	Người mua trả tiền trước	-
4	Thuế và các nghĩa vụ phải nộp nhà nước	701.095.673

5	Phải trả công nhân viên	-
6	Chi phí phải trả	55.920.000
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	-
	Tổng cộng	757,015,673

Trong năm 2014 công ty vẫn giữ nguyên cơ cấu tổ chức, và chính sách quản lý nhằm tạo sự đồng bộ, nhất quán theo định hướng chung đã được định rõ của Đại hội cổ đông và ban lãnh đạo

❖ **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2014 là năm có nhiều biến động đối với tình hình kinh tế thế giới cũng như kinh tế Việt Nam. Trước những khó khăn của nền kinh tế, HĐQT đã chỉ đạo toàn Công ty quyết tâm, phân đầu tăng trưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như thực hiện các nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao (ĐHĐCĐ)

a. Thuận lợi:

Tập thể cán bộ công nhân viên tư tưởng ổn định, an tâm gắn bó với công ty, cần mẫn, siêng năng, tận tụy với công việc.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty tâm huyết với trọng trách được giao, thể hiện hết vai trò trách nhiệm trong lãnh đạo điều hành.

Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan, ban ngành trong tỉnh, các tổ chức tài chính tín dụng, các đối tác kinh doanh.

Trong sản xuất không để xảy ra thất thoát, lãng phí, triệt để tiết kiệm, an toàn lao động và đặc biệt không mắc phải sai lầm trong việc thực hiện khai thác khoáng sản, đây là thành quả quan trọng nhất.

Diễn cảnh kinh tế trong và ngoài nước năm 2014 có nhiều thách thức, bất ổn, ảnh hưởng rất lớn, công ty phải đối mặt nhiều khó khăn...Tuy nhiên công ty cũng đã đạt được các mục tiêu, kế hoạch đã đặt ra, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá ổn định hàng năm.

b. Khó khăn:

Năm 2014 công ty đã thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và đạt kết quả khả quan, tuy nhiên do thông thường việc lập dự thảo kế hoạch kinh doanh vào cuối năm trước nên không lường được hết những nhân tố ảnh hưởng tác động từ yếu tố khách quan.

Tài nguyên nhân lực chưa ngang tầm với yêu cầu phát triển nhanh chóng của công ty, thiếu nhân sự cấp trung, cấp cao. Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty cần tập

trung các giải pháp đồng bộ để xây dựng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng ngân tầm với trình độ công nghệ và sự phát triển toàn diện công ty.

Mặc dù định mức chi phí sản xuất được tiết giảm khá tốt trong năm qua nhưng khả năng còn có thể giảm thiểu hơn nữa nhất là điện, và công suất vận hành máy của các xí nghiệp cần quyết liệt thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm tối đa chi phí sản xuất để gia tăng khả năng cạnh tranh trong bối cảnh giá cả chi phí đầu vào leo thang từ đầu năm 2013.

Cơ cấu vốn mặc dù có cải thiện hơn năm 2010, nhưng chưa cân đối phù hợp làm gia tăng áp lực nặng nề lên các mặt hoạt động kinh doanh, công ty không có điều kiện nắm bắt cơ hội bước sóng giá cả để chủ động khai thác các lợi thế có thể phát sinh lợi đột biến.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2014, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông;
- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2014 nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 và đạt mức tăng trưởng cao;
- Đổi mới chính sách lương thưởng, chính sách nhân viên, cơ chế phân cấp phân quyền, cải cách thủ tục hành chính;
- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tăng cường công tác đào tạo nội bộ và cử cán bộ đi học nâng cao nghiệp vụ;
- Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của toàn thể CBCNV trong Công ty;

a) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đá Spilit không có tiểu ban trực thuộc

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
----	-----------------	---------	---------------------	-------	---------------------

1	Đỗ thị Cẩm Thúy	Chủ tịch	05	100%	
2	Trần Quế Lâm	Thành viên	05	100%	
3	Đoàn Quốc Khánh	Thành viên	05	100%	
4	Nguyễn Văn Đông	Thành viên	05	100%	
5	Bùi Thị Thoa	Thành viên	05	100%	

– Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định để đề ra nhiều chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và hỗ trợ Ban giám đốc điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai các dự án đầu tư theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua.

Hội đồng quản trị thực hiện tốt quyền hạn và nhiệm vụ của mình, giám sát tốt việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc, Ban điều hành Công ty. Hội đồng quản trị đã kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc, Ban điều hành; quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng; cụ thể:

- + Tổ chức họp xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2013;
- + Thành lập Tổ thẩm định để thẩm định toàn bộ công tác thực hiện đầu tư các dự án trong năm 2013: từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và nghiệm thu quyết toán.
- + Thành lập Hội đồng định mức để xây dựng và thống nhất toàn bộ hệ thống các tiêu chuẩn, định mức trong sản xuất kinh doanh của Công ty;
- + Kiểm tra tình hình chấp hành tuân thủ các quy định của Pháp luật đối với hoạt động của Công ty.
- + Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành các hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền, thực hiện hoàn thành các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị ra quyết định

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Những thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tích cực tham gia quản trị công ty nói chung cũng như Ban giám đốc nói riêng; đưa ra những đánh giá, những ý kiến khách quan nhằm mục tiêu cuối cùng là để kiện toàn công tác quản trị công ty; đồng thời hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đá Spilit không tiểu ban trực thuộc.

a) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có 03 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

Đại diện Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị, theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013.

Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2013 của Công ty.

Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao HĐQT, BKS năm 2013 là:

- Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: 3.500.000 đồng/tháng
- Thù lao cho Thành viên HĐQT: 2.500.0000 đồng/người/tháng
- Thù lao cho Trưởng BKS: 1.500.000 đồng/tháng
- Thù lao cho Thành viên BKS: 1.000.000 đồng/người/tháng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Năm 2013, thực hiện giao dịch bán 250.000 cổ phiếu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Năm 2013, Cổ đông nội bộ Công ty Cổ phần Đá Spilit không có giao dịch nào với công ty.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Năm 2013, Công ty Cổ phần Đá Spilit không có nội dung nào chưa thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý công ty.

❖ **Báo cáo tài chính**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đá Spilit (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty tại ngày lập báo cáo gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đại Quyền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09/02/2015
Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09/02/2015
Ông Trần Quế Lâm	Thành viên	
Bà Bùi Thị Thoa	Thành viên	
Ông Đoàn Quốc Khánh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Đông	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đông	Giám đốc
---------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- **Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;**
- **Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;**
- **Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và**
- **Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.**
- **Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

4. Số: /2015/BCTC-KTV/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đá Spilit

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đá Spilit (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23/03/2015, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn
Đất Việt tại Hà Nội

VĂN NAM HẢI - Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2013-037-1

NGUYỄN NGỌC TÚ- Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2305-2014-037-
1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.940.054.617	18.576.969.523
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.068.285.331	212.515.323
1. Tiền	111	V.1	1.068.285.331	212.515.323
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Phải thu ngắn hạn	130		10.658.599.975	5.883.321.000
1. Phải thu khách hàng	131		7.540.426.000	5.209.910.000
2. Trả trước cho người bán	132		3.054.773.975	70.011.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	63.400.000	603.400.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	12.003.836.927	12.188.923.853
1. Hàng tồn kho	141		12.003.836.927	12.188.923.853
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		209.332.384	292.209.347
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		209.332.384	292.209.347
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.339.265.476	8.643.276.070
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.035.977.976	8.601.109.128
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	5.617.840.321	8.182.971.473
- Nguyên giá	222		13.766.170.000	14.235.420.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.148.329.679)	(6.052.448.527)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228	V.5	200.000.000	200.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(200.000.000)	(200.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	418.137.655	418.137.655
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		28.900.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.7	28.900.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		70.403.287.500	42.166.942
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	70.403.287.500	42.166.942
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			129.279.320.093	27.220.245.593

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		925.201.500	649.003.570
I. Nợ ngắn hạn	310		925.201.500	649.003.570
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	82.960.000
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	701.095.673	440.095.373
5. Phải trả người lao động	315		55.920.000	-
6. Chi phí phải trả	316		84.000.000	60.000.000
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		84.185.827	65.948.197
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. NGUỒN VỐN	400		128.354.118.593	26.571.242.023
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	V.10	128.354.118.593	26.571.242.023
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		126.150.000.000	25.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		168.371.652	131.896.393
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		84.185.827	65.948.197
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.951.561.114	1.373.397.433
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		129.279.320.093	27.220.245.593

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MÃU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.198.706.076	12.374.019.538
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	7.198.706.076	12.374.019.538
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.019.627.776	11.132.242.490
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.179.078.300	1.241.777.048
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.100.295.900	489.925

7. Chi phí tài chính	22	VI.4	168.000.000	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>168.000.000</i>	<i>-</i>
8. Chi phí bán hàng	24		77.710.450	88.158.487
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.471.697.494	920.089.504
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		561.966.256	234.018.982
11. Thu nhập khác	31	VI.5	425.000.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.5	159.451.387	-
13. Lợi nhuận khác	40	VI.5	265.548.613	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		827.514.869	234.018.982
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	165.502.974	51.642.685
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		662.011.895	182.376.297
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	88	73

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		5.248.056.076	13.642.607.799
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(6.373.000.718)	(16.668.266.935)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(679.509.944)	(1.255.378.186)
Tiền chi trả lãi vay	04		(168.000.000)	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(230.011.000)	(140.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		857.152.666	4.744.789.925
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(323.917.072)	(252.315.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.669.229.992)	71.137.603
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		425.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		8.100.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.525.000.000	-
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.000.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.000.000.000)	-

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		855.770.008	71.137.603
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		212.515.323	141.377.720
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.068.285.331	212.515.323

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đá Spilit (sau đây viết tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2801330959 ngày 13 tháng 04 năm 2009, thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 07 năm 2014.

Theo Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 5, vốn điều lệ của Công ty là: 126.150.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao - chi tiết: sản xuất vôi; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét - chi tiết: sản xuất gạch; Chuẩn bị mặt bằng; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt - chi tiết: khai thác và chế biến các loại khoáng sản (trừ quặng uranium, quặng thorium, quặng sắt, crom và khoáng sản Nhà nước cấm); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Khai thác và thu gom than cứng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác – chi tiết: dịch vụ khoan nổ mìn; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ - chi tiết: sản xuất phân lân hữu cơ sinh học; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh - chi tiết: bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác và thu gom than non; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Xây dựng nhà các loại; Đại lý, môi giới, đấu giá (không bao gồm môi giới, đấu giá bất động sản); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Công ty con

Công ty TNHH Một thành viên môi trường Quốc Bảo

* Địa chỉ: Tầng 1, số nhà 230 đường Thành Công, Phường Nguyễn Thái Học, TP Yên Bái, Yên Bái

* Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 31/12/2014: 100%

* Quyền biểu quyết của Công ty tại ngày 31/12/2014: 100%

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

❖ III. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập về sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố

định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 10
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

5. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện Quyền khai thác mỏ đá . Công ty đã khấu hao hết đối với quyền khai thác này.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty

9. Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí

này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 12/2013/BB-ĐHĐCĐ.SPI ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Công Ty Cổ Phần Đá Spilit đã thông qua phương án sáp nhập Công ty CP Môi trường Quốc Bảo vào Công Ty Cổ Phần Đá Spilit theo hình thức hoán đổi cổ phần. Theo đó, giá trị lợi thế thương mại phát sinh là 72.208.500.000 đồng sẽ được phân bổ kể từ ngày hoàn thành việc sáp nhập là 15/09/2014 (thời gian phân bổ không quá 10 năm kể từ ngày ghi nhận).

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Năm 2014 Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20 % lợi nhuận chịu thuế theo Điều 10 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: VND

1.	Tiền và các khoản tương đương tiền		
		Số cuối năm	Số đầu năm
	Tiền mặt	1.062.407.894	206.970.436
	Tiền gửi ngân hàng	5.877.437	5.544.887
	Cộng	1.068.285.331	212.515.323
2.	Các khoản phải thu khác		
		Số cuối năm	Số đầu năm
	Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy	-	540.000.000
	Bà Phùng Hoàng Yên	63.400.000	63.400.000
	Cộng	63.400.000	603.400.000

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	32.394.805	34.428.275
Công cụ, dụng cụ	22.186.000	27.637.727
Thành phẩm	2.829.145.993	1.387.503.966
Hàng hóa	9.120.110.129	10.739.353.885
Cộng	12.003.836.927	12.188.923.853

4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	7.947.188.000	5.390.149.091	698.342.000	199.740.909	14.235.420.000
Thanh lý, nhượng bán		469.250.000	-		469.250.000
Số dư cuối năm	7.947.188.000	4.920.899.091	698.342.000	199.740.909	13.766.170.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	2.612.077.100	2.897.402.744	407.919.562	135.049.121	6.052.448.527
Khấu hao trong năm	1.162.687.900	1.003.791.427	203.849.333	35.351.104	2.405.679.764
Thanh lý, nhượng bán	-	309.798.613	-	-	309.798.613
Chuyển sang CCDC	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.774.765.000	3.591.395.559	611.768.895	170.400.225	8.148.329.679
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	5.335.110.900	2.492.746.347	290.422.438	64.691.788	8.182.971.473
Tại ngày cuối năm	4.172.423.000	1.329.503.532	86.573.105	29.340.684	5.617.840.321

5. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền khai thác mỏ đá	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	200.000.000	200.000.000
Số dư cuối năm	200.000.000	200.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	200.000.000	200.000.000
Số dư cuối năm	200.000.000	200.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

6. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng nhà xưởng	418.137.655	418.137.655
Cộng	418.137.655	418.137.655

7. Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV môi trường Quốc Bảo	28.900.000.000	-
Cộng	28.900.000.000	-

Thuyết minh bổ sung về các công ty con

	Phần sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH MTV môi trường Quốc Bảo	100	100

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	42.166.942
Lợi thế thương mại (*)	70.403.287.500	-
Cộng	70.403.287.500	42.166.942

(*) Lợi thế thương mại phát sinh khi Công ty tiến hành sáp nhập Công ty Cổ phần Môi trường Quốc Bảo.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 12/2013/BB-ĐHĐCĐ.SPI ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Công Ty Cổ Phần Đá Spilít đã thông qua phương án sáp nhập Công ty CP Môi trường Quốc Bảo vào Công Ty Cổ Phần Đá Spilít theo hình thức hoán đổi cổ phần. Theo đó, giá trị lợi thế thương mại phát sinh là 72.208.500.000 đồng sẽ được phân bổ kể từ ngày hoàn thành việc sáp nhập là ngày 15/09/2014 (thời gian phân bổ không quá 10 năm kể từ ngày ghi nhận).

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT	510.694.799	229.147.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp	146.440.179	210.948.205
Các loại thuế khác	36.010.695	-
Phí bảo vệ môi trường	7.950.000	-
Cộng	701.095.673	440.095.373

10. Vốn chủ sở hữu

10.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC					
Số dư đầu năm	25.000.000.000	14.010.497	7.005.249	1.426.792.928	26.447.808.674
Lãi trong năm	-	-	-	182.376.297	182.376.297
Trích lập các quỹ	-	117.885.896	58.942.948	-	176.828.844
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	235.771.792	235.771.792
					-
Số dư cuối năm	25.000.000.000	131.896.393	65.948.197	1.373.397.433	26.571.242.023
NĂM NAY					
Số dư đầu năm	25.000.000.000	131.896.393	65.948.197	1.373.397.433	26.571.242.023
Tăng vốn	101.150.000.000	-	-	-	101.150.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	651.114.200	651.114.200
Tăng do trích lập quỹ	-	36.475.259	18.237.630	-	54.712.889
Giảm do trích lập quỹ	-	-	-	72.950.519	72.950.519
Số dư cuối năm (*)	126.150.000.000	168.371.652	84.185.827	1.951.561.114	128.354.118.593

(*) Ngày 04/7/2014 Công ty tiến hành thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 5 về việc tăng vốn điều lệ lên 126.150.000.000 đồng. Vốn tăng trong kỳ được thực hiện do việc hoán đổi cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 số 13/2013/NQ-ĐHĐCĐ-SPI và Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi số 22/GCN-UBCK ngày 20/3/2014 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

10.2. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u> <i>Cổ phiếu</i>	<u>Số cuối năm</u> <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.615.000	2.500.000
Cổ phiếu phổ thông	12.615.000	2.500.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.615.000	2.500.000
Cổ phiếu phổ thông	12.615.000	2.500.000
Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: VND

1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
		Năm nay	Năm trước
		<hr/>	<hr/>
	Doanh thu	7.198.706.076	12.374.019.538
	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.198.706.076	12.374.019.538
	Các khoản giảm trừ	-	-
	Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>
		7.198.706.076	12.374.019.538
2.	Giá vốn hàng bán		
		Năm nay	Năm trước
		<hr/>	<hr/>
	Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ	6.019.627.776	11.132.242.490
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	Cộng	<hr/>	<hr/>
		6.019.627.776	11.132.242.490
3.	Doanh thu hoạt động tài chính		
		Năm nay	Năm trước
		<hr/>	<hr/>
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	295.900	489.925
	Lãi đầu tư cổ phiếu	2.100.000.000	-
	Cộng	<hr/>	<hr/>
		2.100.295.900	489.925
4.	Chi phí tài chính		
		Năm nay	Năm trước
		<hr/>	<hr/>
	Lãi tiền vay	168.000.000	-
	Cộng	<hr/>	<hr/>
		168.000.000	-

5. Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	425.000.000	-
Thanh lý tài sản cố định Thu nhập khác	425.000.000	-
Chi phí khác	159.451.387	-
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý Chi phí khác	159.451.387	-
Lợi nhuận khác	265.548.613	-

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	827.514.869	234.018.982
Điều chỉnh tăng	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	827.514.869	234.018.982
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thuế suất thuế TNDN năm 2014	20%	
Thuế suất thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2013	-	25%
Thuế suất thuế TNDN 6 tháng cuối năm 2013	-	20%
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	827.514.869	234.018.982
Thu nhập chịu thuế suất 25%	-	96.777.771
Thu nhập chịu thuế suất 20%	827.514.869	137.241.211
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	165.502.974	51.642.685

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	662.011.895	182.376.297
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	7.488.219	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	88	73

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	107.452.000	5.585.450.928
Chi phí nhân công	127.630.000	1.122.418.186
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.405.679.764	2.308.449.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	375.812.109
Chi phí khác bằng tiền	210.596.540	178.605.926
Cộng	2.743.906.304	9.570.736.679

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 *Nghiệp vụ với bên liên quan*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị	Nội dung nghiệp vụ	Chính sách giá cả
Giao dịch các bên liên quan				
Công ty CP Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp	Cùng chung chủ tịch HĐQT	1.471.748.025	Mua hàng	Thị trường
Công ty CP Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp	Cùng chung chủ tịch HĐQT	3.021.455.525	Bán hàng	Thị trường
Bà Đỗ Cẩm Thúy	Chủ tịch HĐQT	540.000.000	Thu tiền	
Bà Đỗ Cẩm Thúy	Chủ tịch HĐQT	3.000.000.000	Vay tiền	
Bà Đỗ Cẩm Thúy	Chủ tịch HĐQT	3.168.000.000	Trả tiền vay và lãi	
Số dư với các bên liên quan				
Công ty CP Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp	Cùng chung chủ tịch	473.935.000	Phải thu	

HDQT

1.2 Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Ban Giám đốc	108.000.000	108.000.000
Các khoản phúc lợi khác	-	-
	108.000.000	108.000.000

2. Các khoản công nợ tiềm tàng

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Quyết định của HĐQT ngày 09/02/2015 về việc thay đổi nhân sự Công ty Cổ phần Đá Spilit, theo đó Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 09/02/2015 và Ông Nguyễn Đại Quyền giữ chức Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 09/02/2015.

4. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

4.1 Các loại công cụ tài chính

	<i>DVT: VND</i>	
	Cuối năm	Giá trị ghi sổ Đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.068.285.331	212.515.323
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.603.826.000	5.813.310.000
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-
Tài sản tài chính khác	-	-
Cộng	8.672.111.331	6.025.825.323
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	-	82.960.000
Chi phí phải trả	84.000.000	60.000.000
Cộng	84.000.000	142.960.000

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

4.2 *Quản lý rủi ro vốn*

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

4.3 *Quản lý rủi ro tài chính*

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

4.3.1 *Quản lý rủi ro tỷ giá*

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

4.3.2 *Quản lý rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

4.3.3 *Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

4.3.4 *Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

4.3.5 *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	<i>DVT: VND</i>		
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	-	-	-
Chi phí phải trả	84.000.000	-	84.000.000
Cộng	<u>84.000.000</u>	<u>-</u>	<u>84.000.000</u>
Số dư đầu năm			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	82.960.000	-	82.960.000
Chi phí phải trả	60.000.000	-	60.000.000
Cộng	<u>142.960.000</u>	<u>-</u>	<u>142.960.000</u>
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.068.285.331	-	1.068.285.331
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.603.826.000	-	7.603.826.000
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Cộng	<u>8.672.111.331</u>	<u>-</u>	<u>8.672.111.331</u>
Số dư đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	212.515.323	-	212.515.323
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.813.310.000	-	5.813.310.000
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Cộng	<u>6.025.825.323</u>	<u>-</u>	<u>6.025.825.323</u>

5. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Do Công ty chỉ cung cấp một số dịch vụ chính khai thác và bán hàng hóa thành phẩm tại trụ sở đăng ký kinh doanh và các tỉnh lân cận, có tỷ lệ sinh lời, cơ hội tăng trưởng, triển vọng và rủi ro là như

nhau. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ Kiểm toán, kế toán và tư vấn thuế - AAT.

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty**